

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TOÀN CẦU NTVK
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TOÀN CẦU NTVK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NTVK GLOBAL SERVICES LIMITED
LIABILITY COMPANY

Tên công ty viết tắt: NTVK GLOBAL SERVICES CO. LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110549515

3. Ngày thành lập: 23/11/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 11 đường Dịch Vọng Hậu, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0963278087

Fax:

Email: ngo0787@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
2.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
3.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4520
4.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4530
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (Điều 166 Luật Thương mại số 36/2005/QH11); Môi giới mua bán hàng hóa (Điều 151 Luật Thương mại số 36/2005/QH11) (trừ môi giới bất động sản)	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở)	4620
7.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ (không hoạt động tại trụ sở)	4631
8.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt (không hoạt động tại trụ sở)	4632
9.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
10.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	4659
12.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và không hoạt động tại trụ sở)	4661

13.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, nhôm, tôn, inox	4662
14.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
15.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
16.	Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).	8292
17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Ủy thác và nhận sự ủy thác của việc xuất, nhập khẩu về hàng hóa. - Xuất, nhập khẩu những mặt hàng của doanh nghiệp kinh doanh.	8299(Chính)
18.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7020
19.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
20.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ hoạt động điều tra thu thập ý kiến về các sự kiện chính trị)	7320
21.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất, Thiết kế đồ họa, Thiết kế web	7410
22.	Cho thuê xe có động cơ	7710
23.	In ấn (trừ in tráng bao bì kim loại, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may đan tại trụ sở)	1811
24.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
25.	Vận tải hàng hóa đường sắt (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4912
26.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
27.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5012
28.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi)	5210
29.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, trừ hoạt động hoa tiêu)	5222
31.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224

32.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển hoặc đường không; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không; - Môi giới thuê tàu biển và máy bay; - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa.	5229
33.	Chuyến phát	5320
34.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: khách sạn, biệt thự kinh doanh du lịch, căn hộ kinh doanh du lịch, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (không hoạt động tại trụ sở)	5510
35.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở)	5610
36.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, tại địa điểm mà khách hàng yêu cầu như tiệc hội nghị cơ quan, doanh nghiệp, tiệc đám cưới, các công việc gia đình khác...	5621
37.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
38.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Hoạt động chế biến và phục vụ đồ uống cho khách hàng tiêu dùng tại chỗ của các quán bar, quán karaoke, quán rượu (Điều 2 Nghị định 54/2019/NĐ-CP)	5630
39.	Xuất bản phần mềm Chi tiết: Sản xuất phần mềm	5820
40.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
41.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
42.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7830
43.	Đại lý du lịch	7911
44.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
45.	Xây dựng nhà để ở	4101
46.	Xây dựng nhà không để ở	4102

